**KIỂM TRA 1 TIẾT: ESTE – LIPIT – CACBOHIDRAT**

*(Thời gian làm bài 45 phút không kể thời gian giao đề)*

***Họ và tên thí sinh………………………………..Lớp…………***

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

**A.** Chất béo là trieste của glixerol với axit béo. **B.** Chất béo không tan trong nước.

**C.** Chất béo được gọi chung là triglixerit. **D.** Chất béo là este đơn chức của glixerol với axit béo.

**Câu 2:** Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 g este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M( vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

**A.** Propyl axetat **B.** Etyl propionat **C.** Etyl fomat **D.** Etyl axetat

**Câu 3:** Chất giặt rửa tổng hợp có ưu điểm

**A.** dễ kiếm. **B.** rẻ tiền hơn xà phòng.

**C.** có thể dùng để giặt rửa cả trong nước cứng. **D.** có khả năng hòa tan tốt trong nước.

**Câu 4:** Thuốc thử để phân biệt glucozơ và fructozơ là

**A.** Na **B.** [Ag(NH3)2] NO3 **C.** Cu(OH)2 **D.** dung dịch brom.

**Câu 5:** CH2=CH-O-CO-CH3 có tên gọi là

**A.** vinyl propionat **B.** vinyl axetat **C.** metyl metacrylat **D.** metyl acrylat

**Câu 6:** Glucozơ không có tính chất nào dưới đây?

**A.** Tính chất của poliol **B.** Tham gia phản ứng thuỷ phân

**C.** Tác dụng với CH3OH trong HCl **D.** Tính chất của nhóm anđehit

**Câu 7:** Cho este X có CTPT C2H4O2. X thuộc dãy đồng đẳng của este

**A.** no, đơn chức, mạch hở **B.** no, đơn chức, mạch vòng

**C.** no, đơn chức **D.** không no, đơn chức, mạch hở

**Câu 8:** Xà phòng hoá hoàn toàn 37,0g hỗn hợp 2 este là HCOOC2H5 và CH3COOCH3 đun nóng. Khối lượng NaOH cần dùng là

**A.** 20,0g **B.** 8,0g **C.** 16,0g **D.** 12,0g

**Câu 9:** Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO2 và 4,68 gam H2O. CTPT của este là

**A.** C2H4O2 **B.** C3H6O2 **C.** C4H8O4 **D.** C4H8O2

**Câu 10:** Trong các chất sau: axit axetic, glixerol, glucozơ, ancol etylic, xenlulozơ. Số chất hòa tan được Cu(OH)2 là

**A.** 1 **B.** 3 **C.** 5 **D.** 4

**Câu 11:** Cho 10,8g CH3 COOH tác/ d với 7,04g ancol metylic (H2SO4 xúc tác) thu được 11,1g este. Hiệu suất của phản ứng là

**A.** 81,81% **B.** 68,18% **C.** 83,33% **D.** 70%

**Câu 12:** Phân tử khối trung bình của xenlulozơ là 1620 000. Giá trị n trong công thức (C6H10O5)n là

**A.** 8000 **B.** 7000 **C.** 10000 **D.** 9000

**Câu 13:** Xà phòng hóa hoàn toàn hỗn hợp gồm etyl axetat và phenyl axetat thì thu được chất hữu cơ là

**A.** 1 muối, 1 ancol và 1 phenol. **B.** 1 muối và 1 ancol.

**C.** 2 muối và 1 ancol. **D.** 1 muối và 2 ancol.

**Câu 14:** Propyl fomat được điều chế từ

**A.** axit fomic và ancol propylic. **B.** axit propionic và ancol metylic.

**C.** axit fomic và ancol metylic. **D.** axit axetic và ancol propylic.

**Câu 15:** Số đồng phân este no đơn chức của C4H8O2 là

**A.** 2 **B.** 4 **C.** 3 **D.** 5

**Câu 16:** Cho dãy chuyển hóa: Metan  A  B  C  Metyl axetat. Tên gọi của B là

**A.** ancol etylic **B.** etilen **C.** etanal **D.** anđehit fomic

**Câu 17:** Chất nào sau đây hầu như không tan trong nước ?

**A.** Etyl axetat **B.** Natri axetat **C.** Ancol etylic **D.** Axit axetic

**Câu 18:** Tinh bột và xenlulozơ khác nhau về

**A.** thành phần phân tử. **B.** độ tan trong nước.

**C.** cấu trúc mạch phân tử. **D.** sản phẩm của phản ứng thủy phân.

**Câu 19:** Lên men 41,4g glucozơ với hiệu suất 80%, khí thu được cho hấp thụ vào nước vôi trong dư lượng kết tủa thu được là

**A.** 28,75g **B.** 36,8g **C.** 18,4 **D.** 23g.

**Câu 20:** Tráng bạc hoàn toàn m g glucozơ thu được 86,4 g Ag. Nếu lên men hoàn toàn m g glucozơ rồi cho khí CO2 thu được hấp thụ vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

**A.** 60g **B.** 80g **C.** 20g. **D.** 40g

**Câu 21:** Muốn có 2610 g glucozơ thì khối l­ượng saccarozơ cần đem thuỷ phân hoàn toàn là

**A.** 4595 g **B.** 4995 g **C.** 4468 g **D.** 4959 g

**Câu 22:** Thuỷ phân este X có CTPT C4H8O2 trong dung dịch NaOH thu được hỗn hợp hai chất hữu cơ Y và Z trong đó Y có tỉ khối hơi so với H2 là 16. X có công thức là

**A.** CH3COOC2H5 **B.** HCOOC3H5 **C.** HCOOC3H7 **D.** C2H5COOCH3

**Câu 23:** Metyl propionat là tên gọi của chất nào sau đây?

**A.** CH3COOC2H5 **B.** HCOOC3H7 **C.** C­2H5COOCH3 **D.** C3H7COOH

**Câu 24:** Để nhận biết hồ tinh bột, saccarozơ, glucozơ cần dùng nhóm thuốc thử nào sau đây?

**A.** Iot, AgNO3/NH3. **B.** Nước brom, AgNO3/NH3

**C.** Quì tím, iot. **D.** Quì tím, nước brom.

**Câu 25:** Đun nóng lipit cần vừa đủ 40 kg dd NaOH 15%, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng (kg) glixerol thu được là

**A.** 13,8 **B.** 4,6 **C.** 6,975 **D.** 9,2

**Câu 26:** Để trung hoà 14 gam một chất béo cần 1,5 ml dung dịch KOH 1M. Chỉ số axit của chất béo đó là **A.** 7 **B.** 5 **C.** 8 **D.** 6

**Câu 27:** Cho este CH3COOCH=CH2 tác dụng với dd NaOH dư thu được

**A.** CH3COONa và CH3CHO **B.** CH3COOH và C2H5OH

**C.** CH3COOH và CH3CHO **D.** CH3COONa và C2H3OH

**Câu 28:** Đun nóng 6 gam CH3COOH với 6 gam C2H5OHcó H 2SO4 xúc tác. KL este tạo thành khi hiệu suất đạt 50% là

**A.** 5,72 g **B.** 4,40 g **C.** 6,00 g **D.** 8,80 g

**Câu 29:** Đun nóng 37,5g dd glucozơ với lượng AgNO3/dung dịch NH3 dư, thu được 6,48g bạc. Nồng độ dd glucozơ là

**A.** 13,4 % **B.** 14,4 % **C.** 12,4 % **D.** 11,4 %

**Câu 30:** Có thể gọi tên este (C17H33COO)3C3H5 là

**A.** tristearin **B.** tripanmitin **C.** stearic **D.** triolein

**Câu 31:** Hỗn hợp X gồm axit axetic, axit oxalic và axit ađipic. Lấy m gam X tác dụng với dung dịch NaHCO3 dư thu được 0,7 mol CO2. Nếu lấy m gam X tác dụng vừa đủ với etylen glicol (giả sử hiệu suất phản ứng 100%, sản phẩm chỉ có chức este) thì khối lượng este thu được là

**A.** (m + 30,8) gam. **B.** (m + 9,1) gam. **C.** (m + 15,4) gam. **D.** (m + 20,44) gam.

**Câu 32:** Hỗn hợp X gồm ancol metylic, etylen glicol và glixerol. Đốt cháy hoàn toàn m gam X thu được 5,6 lít khí CO2 (đktc). Còn nếu lấy m gam X tác dụng hết với Na dư thì thu được V lít H2 (đktc). Giá trị của V là

**A.** 6,72. **B.** 4,48. **C.** 5,6. **D.** 2,8.

**Câu 33:** Hợp chất X no, mạch hở, chứa 2 loại nhóm chức đều có khả năng tác dụng với Na giải phóng H2, X có công thức phân tử là (C2H3O3)n (n nguyên dương). Phát biểu **không đúng** về X là

**A.** Trong X có 3 nhóm hiđroxyl. **B.** n = 2.

**C.** Có 2 công thức cấu tạo thỏa mãn điều kiện của X. **D.** Cho Na2CO3 vào dd X dư thì pứ theo tỉ lệ mol là 1 : 1.

**-------------**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2D | 3C | 4D | 5B | 6B | 7A | 8A | 9A | 10B |
| 11C | 12C | 13C | 14A | 15B | 16C | 17A | 18C | 19B | 20B |
| 21D | 22D | 23C | 24A | 25B | 26D | 27A | 28B | 29B | 30D |
| 31B | 32D | 33 | A |  |  |  |  |  |  |